

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>07 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>11 - 12</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>13 - 16</i>
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>17</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>18 - 46</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	135.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong kỳ:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
Trụ sở chính:	Số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Đức Thuận	Chủ tịch	30/06/2014
Bà Dương Quỳnh	Thành viên	26/05/2015
Bà Ngô Thị Thanh	Thành viên	05/12/2016

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Đức Thuận	Tổng Giám đốc	26/02/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Oanh	Trưởng ban	31/05/2017	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	26/05/2015	-
Bà Trần Thị Thanh Trúc	Thành viên	31/05/2017	-
Ông Dương Quang Thoại	Trưởng ban	30/06/2014	31/05/2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đức Thuận.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 17-2-0025/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 13 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty mua nợ chuyển đổi của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015. Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ chuyển đổi là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành. Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với một doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp này sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và doanh nghiệp khác là 10:90. Hiệu quả hợp tác đầu tư được phân chia cho các bên theo lợi nhuận trước thuế, nghĩa vụ thuế sẽ do các bên tự kê khai và nộp (Phụ lục hợp đồng số 01-PLHĐ/ISC-2015/ISC ngày 02/04/2017). Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần tương ứng giá trị là 17.629.800.000 đồng (Thuyết minh số 6a Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành). Công ty ghi nhận giá trị cổ phần nói trên là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ trên Báo cáo tình hình tài chính và chưa trích lập dự phòng đối với tài sản tài chính này do không có giá tham chiếu đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (xem thuyết minh số 7 Bản thuyết minh báo cáo tài chính).

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho các khoản mục tài sản và nợ phải trả do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản thu nhập khác từ cho thuê mặt bằng của Công ty. Công ty chưa đăng ký ngành nghề cho thuê tài sản.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc điều chỉnh lại số liệu so sánh cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33b Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty đang được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán cho các năm tài chính 2011, 2012, 2013 và 2014. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, Đoàn kiểm tra thuế vẫn đang trong quá trình làm việc, chưa ra biên bản kết luận kiểm tra thuế. Vì vậy, chúng tôi không đánh giá được những ảnh hưởng có liên quan đến Công ty (nếu có) chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo soát xét được lập thành 08 (tám) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam giữ 07 (bảy) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh



Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.018.459.564	170.186.523.777
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>177.520.793.278</i>	<i>169.735.532.198</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	124.229.744.265	123.359.247.438
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>4.229.744.265</i>	<i>7.359.247.438</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>120.000.000.000</i>	<i>116.000.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6a	17.629.800.000	17.629.800.000
Các khoản cho vay	114	6b	33.537.775.613	26.313.366.717
Các khoản phải thu	117	6c	172.888.889	126.111.111
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>		<i>172.888.889</i>	<i>126.111.111</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	198.000.000
Các khoản phải thu khác	122	8	24.645.039.618	24.803.462.039
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(22.694.455.107)	(22.694.455.107)
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>130</i>		<i>497.666.286</i>	<i>450.991.579</i>
Tạm ứng	131	9	238.870.810	365.012.922
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	277.912.248	105.095.429
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		13.000.000	13.000.000
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139	11	(32.116.772)	(32.116.772)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.665.662.841	17.010.815.719
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>11.753.200.000</i>	<i>11.753.200.000</i>
Các khoản đầu tư	212		11.753.200.000	11.753.200.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>13</i>	<i>11.753.200.000</i>	<i>11.753.200.000</i>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>1.526.224.748</i>	<i>1.938.300.334</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	80.113.636	100.568.182
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.797.411.210</i>	<i>6.797.411.210</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.717.297.574)</i>	<i>(6.696.843.028)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.446.111.112	1.837.732.152
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>3.424.058.000</i>	<i>3.424.058.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(1.977.946.888)</i>	<i>(1.586.325.848)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>3.386.238.093</i>	<i>3.319.315.385</i>
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	63.887.838	159.891.942
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	3.322.350.255	3.159.423.443
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.684.122.405	187.197.339.496

(Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ	300		38.751.701.541	33.568.898.598
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>12.306.701.541</i>	<i>7.123.898.598</i>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	81.130.719	77.573.632
Phải trả người bán ngắn hạn	320	18	2.218.535.244	1.899.859.801
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	19	50.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	641.242.050	1.006.878.515
Phải trả người lao động	323		261.490.785	927.231.815
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		223.490.083	182.681.922
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	474.000.000	948.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		408.240.000	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	23	491.320.000	511.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	22	7.255.711.617	960.571.870
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		201.541.043	201.541.043
<i>Nợ phải trả dài hạn</i>	<i>340</i>		<i>26.445.000.000</i>	<i>26.445.000.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353	22	26.445.000.000	26.445.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.932.420.864	153.628.440.898
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>155.932.420.864</i>	<i>153.628.440.898</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.584.000.000	145.584.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>		<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>	24	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>411.2</i>		<i>10.584.000.000</i>	<i>10.584.000.000</i>
Lợi nhuận chưa phân phối	417		10.348.420.864	8.044.440.898
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>10.348.420.864</i>	<i>8.044.440.898</i>
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		194.684.122.405	187.197.339.496

(Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	25	13.500.000	13.500.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		14.691.500.000	14.691.500.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		518.543.030.000	512.888.220.000
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		442.992.060.000	415.860.190.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		25.220.890.000	23.250.890.000
TSTC giao dịch cầm cố	021.3		37.500.000.000	37.500.000.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		8.696.180.000	33.818.640.000
TSTC chờ thanh toán	021.5		4.133.900.000	2.458.500.000
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		7.211.900.000	7.157.600.000
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		7.211.900.000	7.157.600.000
TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023		7.081.500.000	710.100.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tiền gửi của khách hàng	026		16.343.119.794	9.167.956.944
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		16.343.119.794	9.167.956.944
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030		16.343.119.794	9.167.956.944
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		16.343.119.794	9.167.956.944

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1.230.645.278	500.933.111
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	<i>01.3</i>	<i>27</i>	<i>1.230.645.278</i>	<i>500.933.111</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28	2.644.990.820	288.690.297
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		1.716.343.903	2.963.549.272
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		122.320.155	143.740.598
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		125.000.000	80.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11		34.982.861	357.043
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		5.874.283.017	3.977.270.321
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí hoạt động tự doanh	26		134.378.000	232.096.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1.530.050.273	2.121.556.907
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		255.896.022	319.396.519
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		241.794.327	262.406.273
Chi phí các dịch vụ khác	32		3.000.000	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 33)	40		2.165.118.622	2.935.455.699
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		13.267.957	84.228.685
Doanh thu khác về đầu tư	44		47.796.346	119.164.387
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50	29	61.064.303	203.393.072
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	30	3.563.339.748	3.700.591.519
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)	70		206.888.950	(2.455.383.825)

(Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71	31	2.633.145.825	2.463.710.421
Chi phí khác	72	32	136.899.637	375.383.149
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80		2.496.246.188	2.088.327.272
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70+80)				
	90		2.703.135.138	(367.056.553)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		2.703.135.138	(367.056.553)
CHI PHÍ THUẾ TNDN				
	100		399.155.172	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	33a	399.155.172	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)				
	200		2.303.979.966	(367.056.553)
Lợi nhuận của cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	201		2.303.979.966	(367.056.553)
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
	500	34	171	(27)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	34	171	(27)

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng

Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế TNDN</i>	<i>01</i>		<i>2.703.135.138</i>	<i>(367.056.553)</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>	<i>02</i>			
Khấu hao TSCĐ	03		412.075.586	115.009.428
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(61.064.303)	(204.302.163)
Dự thu tiền lãi	08		(172.888.889)	-
Các khoản điều chỉnh khác	09		-	(268.807.436)
<i>Giảm các doanh thu phi tiền tệ</i>	<i>18</i>			
Lãi khác	21		13.267.957	84.228.685
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>30</i>		<i>(1.647.825.008)</i>	<i>(37.401.480.763)</i>
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	31		-	(39.074.800.000)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33		(7.224.408.896)	(16.165.536.163)
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		126.111.111	41.100.222
(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		248.000.000	-
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		158.422.421	17.578.270.718
Tăng/(giảm) các tài sản khác	40		126.142.112	(109.878.657)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(474.000.000)	-
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	42		(76.812.715)	-
Thuế TNDN đã nộp	43		(852.262.850)	(264.818.424)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45		742.675.443	851.580.571
Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		40.808.161	121.371.314
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		87.471.213	(15.516.583)
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		(665.741.030)	(454.976.502)
Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50		6.278.696.834	91.722.741
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(162.926.812)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>60</i>		<i>1.246.700.481</i>	<i>(38.042.408.802)</i>

(Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	61		(424.000.000)	(545.727.273)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	62		-	909.091
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		47.796.346	119.164.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(376.203.654)	(425.653.795)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		870.496.827	(38.468.062.597)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	4	123.359.247.438	144.130.717.086
Tiền	101.1		7.359.247.438	6.130.717.086
Các khoản tương đương tiền	101.2		116.000.000.000	138.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	4	124.229.744.265	105.662.654.489
Tiền	103.1		4.229.744.265	5.662.654.489
Các khoản tương đương tiền	103.2		120.000.000.000	100.000.000.000

(Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		536.992.080.500	819.306.045.600
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(445.874.926.500)	(1.045.026.024.600)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		1.383.630.174.978	2.678.672.583.159
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(1.474.985.563.189)	(2.486.876.717.445)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(122.320.155)	(196.335.385)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		7.535.717.216	40.494.649.580
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		7.175.162.850	6.374.200.909
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		9.167.956.944	28.542.015.875
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		9.167.956.944	28.542.015.875
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		9.167.956.944	28.542.015.875
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		7.976.511.544	16.581.999.875
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		1.191.445.400	11.960.016.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
(tiếp theo)

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
			<i>VND</i>	<i>trình bày lại VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		16.343.119.794	34.916.216.784
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		16.343.119.794	34.916.216.784
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		16.343.119.794	34.916.216.784
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		4.294.182.694	28.393.902.784
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		12.048.937.100	6.522.314.000

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán

từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số tăng/(giảm)			Số cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Tăng	Kỳ trước	Tăng	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND		(Giảm) VND		(Giảm) VND	VND	VND
1 Vốn góp của chủ sở hữu	145.584.000.000	145.584.000.000	-	-	-	-	145.584.000.000	145.584.000.000
Vốn pháp định	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	10.584.000.000	10.584.000.000	-	-	-	-	10.584.000.000	10.584.000.000
2 Lợi nhuận chưa phân phối	5.633.900.818	8.044.440.898	-	367.056.553	2.303.979.966	-	5.266.844.265	10.348.420.864
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	5.633.900.818	8.044.440.898	-	367.056.553	2.303.979.966		5.266.844.265	10.348.420.864
Cộng	151.217.900.818	153.628.440.898	-	367.056.553	2.303.979.966	-	150.850.844.265	155.932.420.864

(Số liệu so sánh liên quan đến khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" có thay đổi so với báo cáo cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố các nội dung liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với Công ty SCSC (xem Thuyết minh số 38b).

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

(Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008;
- Quyết định số 225/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01 tháng 04 năm 2009 về việc thay đổi trụ sở kinh doanh;
- Quyết định số 294/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 01 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 339/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 07 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2016 về bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2007 và sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 135.000.000.000 đồng.

Mục tiêu hoạt động: cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho các nhà đầu tư, từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Công ty được thành lập với mục đích tham gia cung cấp những nghiệp vụ chứng khoán chuyên nghiệp, góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán với phương châm “An toàn, hiệu quả, chuyên nghiệp và cạnh tranh”.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Đầu tư bất động sản, tài sản cố định

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

Đầu tư tài chính

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 23 người, trong đó có 12 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 27 người, trong đó có 10 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12 tháng 08 năm 2008 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chế độ kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phải sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phải sinh bao gồm phải sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) (tiếp theo)

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

3.4 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	-	7	năm
Tài sản cố định khác	3	-	4	năm
Phần mềm máy tính	5	-	7	năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu “Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.11 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).

3.12 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Quản trị về rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3.13 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền	4.229.744.265	7.359.247.438
Tiền mặt tại quỹ	4.110.894.682	6.651.019.422
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	118.849.583	708.228.016
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	116.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	120.000.000.000	116.000.000.000
Cộng	124.229.744.265	123.359.247.438

Tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 5,2%/năm.

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>
Của Nhà đầu tư		
Cổ phiếu	71.349.675	997.606.219.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

<i>Tài sản FVTPL</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu kỳ</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu chưa niêm yết – Cổ phiếu SCSC (*)	17.629.800.000	17.629.800.000	17.629.800.000	21.173.389.800
Cộng	17.629.800.000	17.629.800.000	17.629.800.000	21.173.389.800

Cổ phiếu SCSC với mã chứng khoán là SCS chính thức giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 12/07/2017.

b. Các khoản cho vay

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu kỳ</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hoạt động giao dịch ký quỹ	33.021.457.251	33.021.457.251	25.403.945.074	25.403.945.074
Ứng trước tiền bán chứng khoán	516.318.362	516.318.362	909.421.643	909.421.643
Cộng	33.537.775.613	33.537.775.613	26.313.366.717	26.313.366.717

c. Các khoản phải thu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	172.888.889	126.111.111
Cộng	172.888.889	126.111.111

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán

từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Các loại tài sản tài chính	Cuối kỳ				Đầu kỳ					
		Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	CL đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	FVTPL	17.629.800.000	17.629.800.000	-	-	17.629.800.000	17.629.800.000	21.173.389.800	3.543.589.800	-	21.173.389.800
1	Cổ phiếu	17.629.800.000	17.629.800.000	-	-	17.629.800.000	17.629.800.000	21.173.389.800	3.543.589.800	-	21.173.389.800
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) (*) (Thuyết minh 12)	17.629.800.000	17.629.800.000	-	-	17.629.800.000	17.629.800.000	21.173.389.800	3.543.589.800	-	21.173.389.800
II	Các khoản cho vay và phải thu	33.537.775.613	33.537.775.613	-	-	33.537.775.613	26.313.366.717	26.313.366.717	-	-	26.313.366.717
	Hoạt động giao dịch ký quỹ	33.021.457.251	33.021.457.251	-	-	33.021.457.251	25.403.945.074	25.403.945.074	-	-	25.403.945.074
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	516.318.362	516.318.362	-	-	516.318.362	909.421.643	909.421.643	-	-	909.421.643
	Cộng	51.167.575.613	51.167.575.613	-	-	51.167.575.613	43.943.166.717	47.486.756.517	3.543.589.800	-	47.486.756.517

(*) Công ty chưa đánh giá lại khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 một cách đáng tin cậy. Giá trị thị trường tại ngày 30/06/2017 được trình bày bằng giá chuyển đổi của cổ phiếu SCSC. Giá trị thị trường kỳ trước là giá trị được đánh giá lại theo giá trị ghi sổ dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2016 của SCSC.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ghi chú</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Đỗ Thị Thanh Thủy	<i>a</i>	1.569.000.000	1.569.000.000
Lê Thị Thành	<i>a</i>	4.069.115.288	4.069.115.288
Thái Thụy Tuyết Hạnh	<i>a</i>	7.303.000.000	7.303.000.000
Thái Thụy Tuyết Ngân	<i>a</i>	9.753.339.819	9.753.339.819
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Gia Ân		283.093.182	402.422.352
Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng - Công an Thành phố Hồ Chí Minh	<i>b</i>	1.625.835.000	1.625.835.000
Phải thu khác		41.656.329	80.749.580
Cộng		24.645.039.618	24.803.462.039

- a. Khoản phải thu đã được lập dự phòng 100% (thuyết minh số 10).
- b. Khoản tiền nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra PC46 TP.HCM tại Kho bạc Nhà nước TP.HCM thay cho ông Nguyễn Xuân Trường (nguyên kế toán trưởng của Công ty). Khoản tiền này bao gồm số tiền 800.000.000 đồng do bà Đào Như Ngọc (vợ của ông Nguyễn Xuân Trường) nộp vào Công ty theo Phiếu thu ngày 26 tháng 09 năm 2016 (Thuyết minh số 22) và số tiền 825.835.000 đồng Công ty cho bà Đào Như Ngọc mượn theo Cam kết vay tiền ngày 23 tháng 09 năm 2016.

9. TẠM ỨNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Trần Đức Thuận	34.427.530	107.896.050
Đoàn Duy Sử	88.326.408	128.000.000
Nguyễn Huy Phương	61.000.000	79.000.000
Nguyễn Thái Sơn (*)	32.116.772	32.116.772
Đối tượng khác	23.000.100	18.000.100
Cộng	238.870.810	365.012.922

(*) Khoản tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc, đã lập dự phòng 100% (thuyết minh số 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán

từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

<i>STT</i>	<i>Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi</i>	<i>Số trích lập trong kỳ</i>	<i>Số hoàn nhập trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
1	Các khoản phải thu khác					
	Đỗ Thị Thanh Thủy	1.569.000.000	-	-	1.569.000.000	1.569.000.000
	Lê Thị Thành	4.069.115.288	-	-	4.069.115.288	4.069.115.288
	Thái Thụy Tuyết Hạnh	7.303.000.000	-	-	7.303.000.000	7.303.000.000
	Thái Thụy Tuyết Ngân	9.753.339.819	-	-	9.753.339.819	9.753.339.819
	Cộng	22.694.455.107	-	-	22.694.455.107	22.694.455.107

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

<i>STT</i>	<i>Loại tài sản suy giảm giá trị</i>	<i>Giá trị tạm ứng</i>	<i>Số trích lập trong kỳ</i>	<i>Số hoàn nhập trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
1	Tạm ứng					
	Nguyễn Thái Sơn	32.116.772	-	-	32.116.772	32.116.772
	Cộng	32.116.772	-	-	32.116.772	32.116.772

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí dịch vụ tại sân giao dịch	189.000.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	57.857.143	-
Chi phí đường truyền	20.430.105	81.720.429
Thiết bị dụng cụ quản lý chờ phân bổ	10.625.000	23.375.000
Cộng	277.912.248	105.095.429
Chi phí trả trước dài hạn		
Thiết bị dụng cụ quản lý chờ phân bổ	63.887.838	159.891.942
Cộng	63.887.838	159.891.942

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty mua nợ chuyển đổi của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015. Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành.

Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M). Theo đó, V.N.M sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và V.N.M là 10:90. Hiệu quả hợp tác đầu tư được phân chia cho các bên theo lợi nhuận trước thuế, nghĩa vụ thuế sẽ do các bên tự kê khai và nộp (Phụ lục hợp đồng số 01-PLHĐ/ISC-2015/ISC ngày 02/04/2017). Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần tương ứng giá trị là 17.629.800.000 đồng (Thuyết minh số 6a Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị VND</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</i>	<i>Tài sản cố định khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	122.727.273	6.542.930.112	131.753.825	6.797.411.210
Số cuối kỳ	122.727.273	6.542.930.112	131.753.825	6.797.411.210
Hao mòn lũy kế				
Số đầu kỳ	22.159.091	6.542.930.112	131.753.825	6.696.843.028
Khấu hao trong kỳ	20.454.546	-	-	20.454.546
Số cuối kỳ	42.613.637	6.542.930.112	131.753.825	6.717.297.574
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	100.568.182	-	-	100.568.182
Số cuối kỳ	80.113.636	-	-	80.113.636
<i>Trong đó:</i>				
Nguyên giá tài sản hết khấu hao đang sử dụng	-	6.542.930.112	131.753.825	6.674.683.937

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	3.424.058.000
Số cuối kỳ	3.424.058.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	1.586.325.848
Khấu hao trong kỳ	391.621.040
Số cuối kỳ	1.977.946.888
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	1.837.732.152
Số cuối kỳ	1.446.111.112

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.981.014.713	1.818.087.901
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.221.335.542	1.221.335.542
Cộng	3.322.350.255	3.159.423.443

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	56.391.960	49.291.151
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký và chuyển khoản	24.738.759	28.282.481
Cộng	81.130.719	77.573.632

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH TM Quả Cầu Vàng	1.770.000.000	1.470.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	416.160.000	416.160.000
Nhà cung cấp khác	32.375.244	13.699.801
Cộng	2.218.535.244	1.899.859.801

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
VI (Vietnam Investments) Fund II	50.000.000	-
Cộng	50.000.000	-

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	78.707.159	64.128.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	184.659.269	637.766.947
Thuế thu nhập cá nhân	377.875.622	304.983.297
Cộng	641.242.050	1.006.878.515

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Mua phần mềm	424.000.000	848.000.000
Chi phí hoạt động khác	50.000.000	100.000.000
Cộng	474.000.000	948.000.000

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ghi chú</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp VNM	<i>a</i>	6.380.224.617	-
Đào Như Ngọc (thuyết minh số 8)		800.000.000	800.000.000
Các đối tượng khác		75.487.000	160.571.870
Cộng		7.255.711.617	960.571.870
<i>Phải trả, phải nộp khác dài hạn</i>			
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp VNM	<i>b</i>	26.445.000.000	26.445.000.000
Cộng		26.445.000.000	26.445.000.000

- a. Khoản lãi và cổ tức từ hợp đồng mua nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 (thuyết minh số 13) phải trả cho công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M).
- b. Khoản phải trả dài hạn khác là khoản Công ty nhận vốn góp theo Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M) (Thuyết minh số 13).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

23. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<i>Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng</i>		
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	166.320.000	166.320.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Gia Ân	300.000.000	300.000.000
Đối tượng khác	25.000.000	45.000.000
Cộng	491.320.000	511.320.000

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i> <i>%</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển	9,80	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	9,80	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	9,80	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải tổng hợp (V.N.M)	9,80	13.230.000.000	13.230.000.000
Ông Trần Đức Thuận	4,90	6.615.000.000	6.615.000.000
Ông Ngô Thọ Nguyên	4,90	6.615.000.000	6.615.000.000
Bà Trần Kiều Minh	4,90	6.615.000.000	6.615.000.000
Bà Trần Thị Khôi Nguyên	4,60	6.210.000.000	6.210.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hải	4,50	6.075.000.000	6.075.000.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	4,50	6.075.000.000	6.075.000.000
Bà Dương Quỳnh	4,50	6.075.000.000	6.075.000.000
Bà Nguyễn Thị Ái Vân	4,00	5.400.000.000	5.400.000.000
Bà Bùi Thị Song Thái	4,00	5.400.000.000	5.400.000.000
Bà Trần Thị Thu Thảo	3,90	5.260.000.000	5.260.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4,41	5.960.000.000	5.960.000.000
Ông Phạm Văn Thành	3,90	5.260.000.000	5.260.000.000
Bà Trần Thị Bích Hạnh	3,90	5.260.000.000	5.260.000.000
Bà Ngô Thị Thanh	3,90	5.260.000.000	5.260.000.000
Cộng	100,00	135.000.000.000	135.000.000.000

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

25. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

26. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả gốc giao dịch ký quỹ	33.021.457.251	25.403.945.074
<i>Phải trả gốc giao dịch ký quỹ của NĐT trong nước</i>	<i>33.021.457.251</i>	<i>25.403.945.074</i>
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	516.318.362	909.421.643
<i>Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước</i>	<i>516.318.362</i>	<i>909.421.643</i>
Cộng	33.537.775.613	26.313.366.717

27. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	569.527.778	500.933.111
Cổ tức	661.117.500	-
Cộng	1.230.645.278	500.933.111

28. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	2.488.529.356	5.039.520
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	156.461.464	283.650.777
Cộng	2.644.990.820	288.690.297

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lãi tiền gửi không cố định	13.267.957	84.228.685
Lãi mua nợ chuyển đổi	47.796.346	119.164.387
Cộng	61.064.303	203.393.072

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	1.392.304.232	1.770.617.743
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	170.152.300	118.200.800
Chi phí công cụ, dụng cụ	109.742.855	86.818.821
Chi phí khấu hao TSCĐ	412.075.586	115.009.428
Chi phí thuế, phí và lệ phí	67.318.049	105.539.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.262.896.455	1.314.788.656
Chi phí khác	148.850.271	189.616.190
Cộng	3.563.339.748	3.700.591.519

31. THU NHẬP KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Cho thuê mặt bằng (*)	2.633.129.825	2.460.528.603
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	3.181.818
Thu nhập khác	16.000	-
Cộng	2.633.145.825	2.463.710.421

(*) Công ty tận dụng mặt bằng chưa sử dụng để cho thuê tạo thêm thu nhập.

32. CHI PHÍ KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Cho thuê mặt bằng	136.363.637	375.383.149
Chi phí phạt hành chính	536.000	-
Cộng	136.899.637	375.383.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	2.703.135.138	(367.056.553)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	126.647.111	70.573.820
<i>Chi phí phạt và không có chứng từ</i>	536.000	7.760.832
<i>Lãi dự thu kỳ trước</i>	126.111.111	62.812.988
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(834.006.389)	(217.777.778)
<i>Lãi dự thu kỳ này</i>	(172.888.889)	(217.777.778)
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(661.117.500)	-
Lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh (4) = (1) + (2) + (3)	1.995.775.860	(514.260.511)
Thu nhập chịu thuế TNDN (5)	1.995.775.860	-
Thuế suất (6)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7) = (5) * (6)	399.155.172	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	637.766.947	264.818.424
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(852.262.850)	(264.818.424)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	184.659.269	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã được quyết toán với cơ quan thuế đến năm 2010. Công ty đang được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán cho các năm tài chính 2011, 2012, 2013 và 2014. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Đoàn kiểm tra vẫn đang trong quá trình làm việc, chưa ra biên bản và quyết định về kết quả kiểm tra thuế cuối cùng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
	<i>VND</i>	<i>Trình bày lại VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	2.303.979.966	(367.056.553)
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	2.303.979.966	(367.056.553)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	13.500.000	13.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	171	(27)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
	<i>Giá trị VND</i>		<i>Giá trị VND</i>		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.229.744.265	-	123.359.247.438	-	124.229.744.265	123.359.247.438
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	17.629.800.000	-	17.629.800.000	-	17.629.800.000	17.629.800.000
Các khoản cho vay	33.537.775.613	-	26.313.366.717	-	33.537.775.613	26.313.366.717
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	172.888.889	-	126.111.111	-	172.888.889	126.111.111
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	198.000.000	-	-	198.000.000
Các khoản phải thu khác	24.645.039.618	22.694.455.107	24.803.462.039	22.694.455.107	1.950.584.511	2.109.006.932
Đầu tư dài hạn khác	11.753.200.000	-	11.753.200.000	-	11.753.200.000	11.753.200.000
Cộng	211.968.448.385	22.694.455.107	204.183.187.305	22.694.455.107	189.273.993.278	181.488.732.198
Nợ tài chính						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	81.130.719	-	77.573.632	-	81.130.719	77.573.632
Phải trả người bán ngắn hạn	2.218.535.244	-	1.899.859.801	-	2.218.535.244	1.899.859.801
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.000.000	-	-	-	50.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	641.242.050	-	1.006.878.515	-	641.242.050	1.006.878.515
Chi phí phải trả ngắn hạn	474.000.000	-	948.000.000	-	474.000.000	948.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	408.240.000	-	408.240.000	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	491.320.000	-	511.320.000	-	491.320.000	511.320.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	7.255.711.617	-	960.571.870	-	7.255.711.617	960.571.870
Phải trả, phải nộp khác dài hạn	26.445.000.000	-	26.445.000.000	-	26.445.000.000	26.445.000.000
Cộng	38.065.179.630	-	32.257.443.818	-	38.065.179.630	32.257.443.818

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị sổ sách.

36. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Đầu kỳ				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	77.573.632	-	-	77.573.632
Phải trả người bán ngắn hạn	1.899.859.801	-	-	1.899.859.801
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.006.878.515	-	-	1.006.878.515
Chi phí phải trả ngắn hạn	948.000.000	-	-	948.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	-	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	511.320.000	-	-	511.320.000
Phải trả, phải nộp khác	960.571.870	26.445.000.000	-	27.405.571.870
Cuối kỳ				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	81.130.719	-	-	81.130.719
Phải trả người bán ngắn hạn	2.218.535.244	-	-	2.218.535.244
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.000.000	-	-	50.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	641.242.050	-	-	641.242.050
Chi phí phải trả ngắn hạn	474.000.000	-	-	474.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	-	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	491.320.000	-	-	491.320.000
Phải trả, phải nộp khác	7.255.711.617	26.445.000.000	-	33.700.711.617

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn VND</i>	<i>Giảm giá VND</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn	24.645.039.618	22.694.455.107	-

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3915 2188 Fax: (028) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Chủ sở hữu	Tiền lãi hợp tác đầu tư	430.167.117
		Cổ tức cổ phiếu SCSC	5.950.057.500

b. Số dư công nợ phải trả với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(Phải trả) VND</i>
Phải trả khác ngắn hạn			
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Chủ sở hữu	Hợp tác đầu tư	(26.445.000.000)
Phải trả khác dài hạn			
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Chủ sở hữu	Lãi hợp tác đầu tư và cổ tức	(6.380.224.617)

c. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt:

<i>Đối tượng</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	300.000.000	420.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	288.000.000	288.000.000
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương, phụ cấp và các lợi ích khác	368.886.524	549.376.341

38. THÔNG TIN SO SÁNH

a. Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

38. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

b. Những thay đổi do điều chỉnh và trình bày lại

Công ty và V.N.M đã ký bổ sung phụ lục hợp đồng số 01-PLHĐ/ISC-2015/ISC ngày 02 tháng 04 năm 2017 thống nhất việc phân chia lợi nhuận của hợp đồng hợp tác đầu tư góp vốn là phân chia lợi nhuận trước thuế, các nghĩa vụ thuế liên quan đến lợi nhuận sẽ do các bên tự kê khai và nộp thuế (xem thuyết minh số 13). Trong báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016, Công ty đã ghi nhận toàn bộ khoản lãi nhận được khoản lãi theo hợp đồng mua nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 với giá trị 1.191.643.887 đồng này vào doanh thu khác về đầu tư của Công ty trong đó phần của đối tác là 1.072.479.500 đồng. Do đó, Công ty tiến hành điều chỉnh lại số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Công ty đã trình bày lại dữ liệu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 để phù hợp với cách trình bày số liệu báo cáo tài chính kỳ này.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh và trình bày lại như sau:

• **Báo cáo kết quả hoạt động**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>	<i>Chênh lệch VND</i>
Chi phí các dịch vụ khác	[2]	-	212.052.000	(212.052.000)
Cộng Chi phí hoạt động		2.935.455.699	3.147.507.699	(212.052.000)
Doanh thu khác về đầu tư	[2]	119.164.387	1.191.643.887	(1.072.479.500)
Cộng Doanh thu hoạt động tài chính		203.393.072	1.275.872.572	(1.072.479.500)
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	[2]	3.700.591.519	3.488.539.519	212.052.000
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(2.455.383.825)	(1.382.904.325)	(1.072.479.500)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(367.056.553)	705.422.947	(1.072.479.500)
CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	110.091.631	(110.091.631)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	[2]	-	110.091.631	(110.091.631)
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(367.056.553)	595.331.316	(962.387.869)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

38. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

b. Những thay đổi do điều chỉnh và trình bày lại (tiếp theo)

• **Báo cáo tình hình tài chính**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Đầu kỳ trình bày lại VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>	<i>Chênh lệch VND</i>
Nợ phải trả ngắn hạn		7.123.898.598	7.338.394.501	(214.495.903)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[2]	1.006.878.515	1.221.374.418	(214.495.903)
Nợ phải trả dài hạn		26.445.000.000	26.230.504.098	214.495.902
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	[2]	26.445.000.000	26.230.504.098	214.495.902

• **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Kỳ trước trình bày lại VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>	<i>Chênh lệch VND</i>
Lợi nhuận trước thuế TNDN		(367.056.553)	705.422.947	(1.072.479.500)
Chi phí phải trả, chi phí trả trước (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	[1] [2]	- (204.302.163)	(268.807.436) (1.276.781.663)	268.807.436 1.072.479.500
Các khoản điều chỉnh khác	[1]	(268.807.436)	-	(268.807.436)
Lãi khác	[2]	84.228.685	-	84.228.685
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(37.401.480.763)	(38.473.960.263)	1.072.479.500
Thuế TNDN đã nộp	[2]	(264.818.424)	-	(264.818.424)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	[2]	851.580.571	(220.898.929)	1.072.479.500
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	[2]	(15.516.583)	(280.335.007)	264.818.424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.042.408.802)	(39.199.116.987)	1.156.708.185
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	[2]	119.164.387	1.275.872.572	(1.156.708.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(425.653.795)	731.054.390	(1.156.708.185)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

38. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

b. Những thay đổi do điều chỉnh và trình bày lại (tiếp theo)

- Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác qua khách hàng**

Chỉ tiêu	Diễn giải	Kỳ trước	Kỳ trước	Chênh lệch
		trình bày lại		
		VND	VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	[1]	819.306.045.600	836.189.450.310	(16.883.404.710)
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	[1]	(1.045.026.024.600)	(3.548.786.146.755)	2.503.760.122.155
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	[1]	(2.486.876.717.445)	-	(2.486.876.717.445)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	[1]	(196.335.385)	-	(196.335.385)
Tiền chi khác của khách hàng	[1]	-	(196.335.385)	196.335.385

- Chi tiết diễn giải**

- [1] Phân loại lại các dòng tiền theo quy định Thông tư 334/2016/TT-BTC.
[2] Ảnh hưởng do điều chỉnh lại số liệu so sánh

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017